FireAnt

CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên (HSX: HT1)

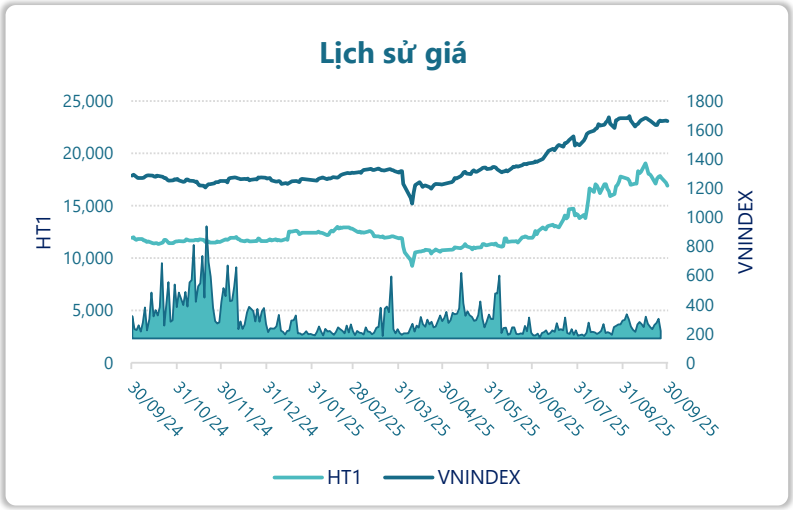

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**16,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,050
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	9,249
SL cổ phiếu LH	381,589,911
KLGD BQ 20 phiên (CP)	834,665
% sở hữu nước ngoài	3.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	6,449
P/E	30.7
EPS	551

DT thuần

Q3/25

1,867

tỷ VNĐ

QoQ: ▼64.0| -3.3%

YoY: ▲ 229| 14.0%

LN sau thuế

Q3/25

85.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▼26.2| -23.4%

YoY: ▲ 63.1| 278%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

6.2%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

9T 2025

5,384

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 343| 6.8%

LN sau thuế

9T 2025

189

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 145| 331%

ROE

Q3/25

4.3%

+/- YoY: ▲ 2.3%

Kết quả kinh doanh

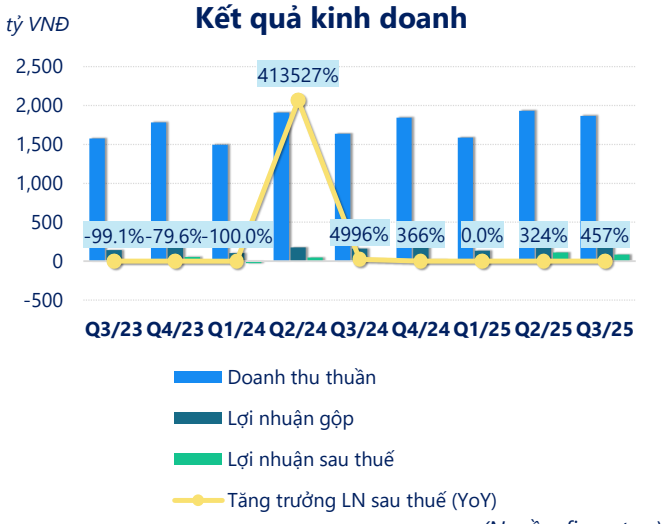

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

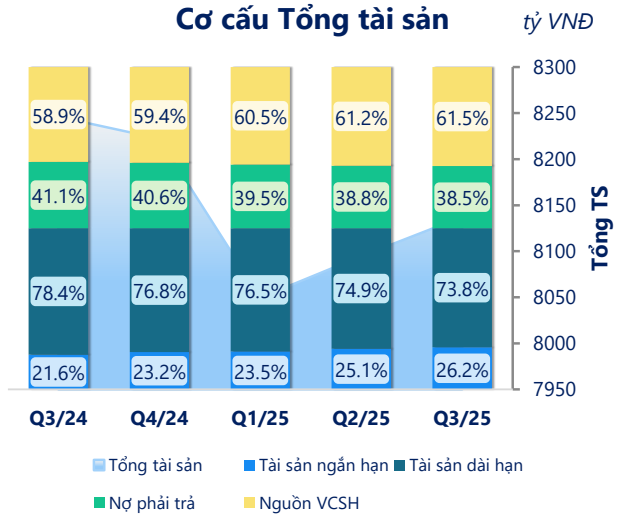

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

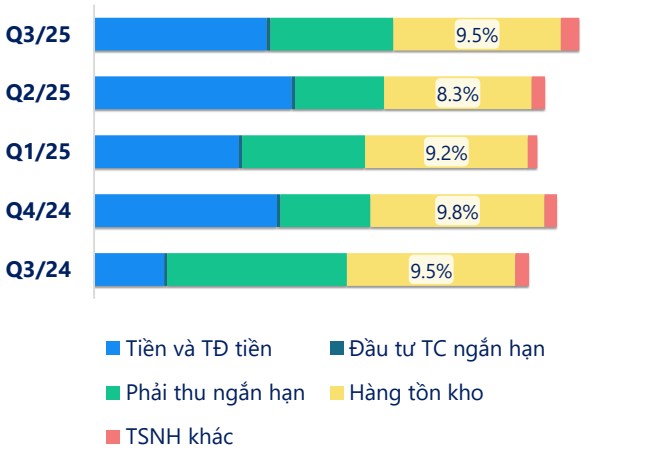

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

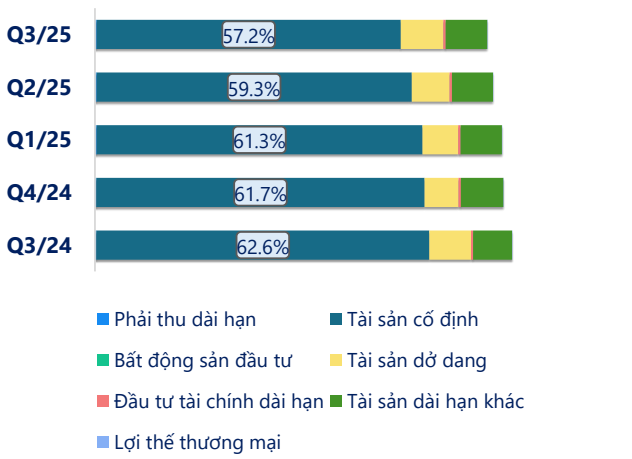

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

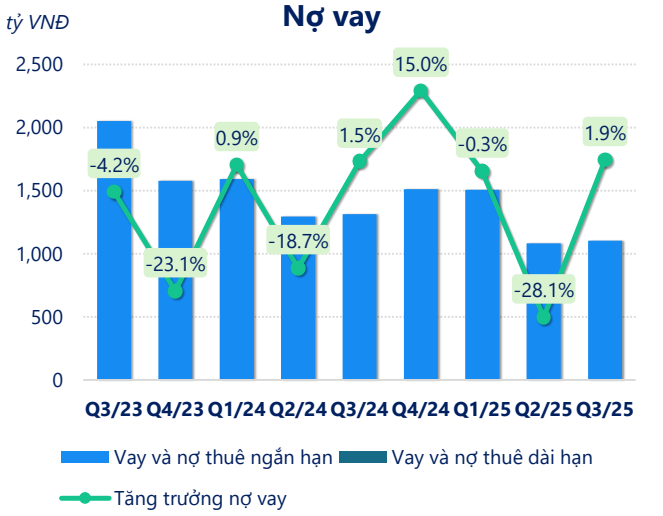

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

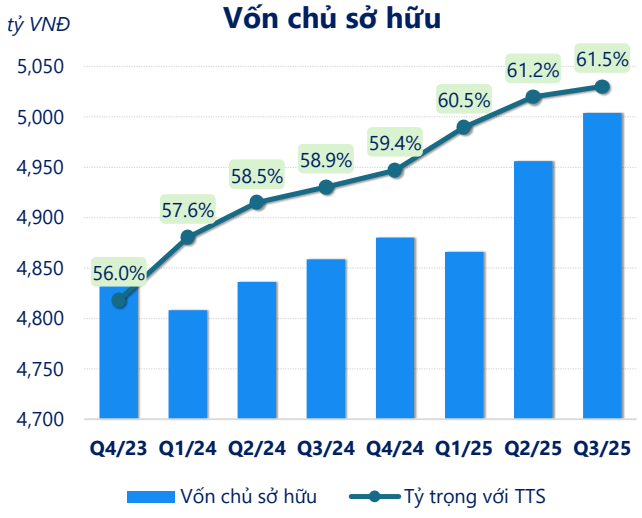

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

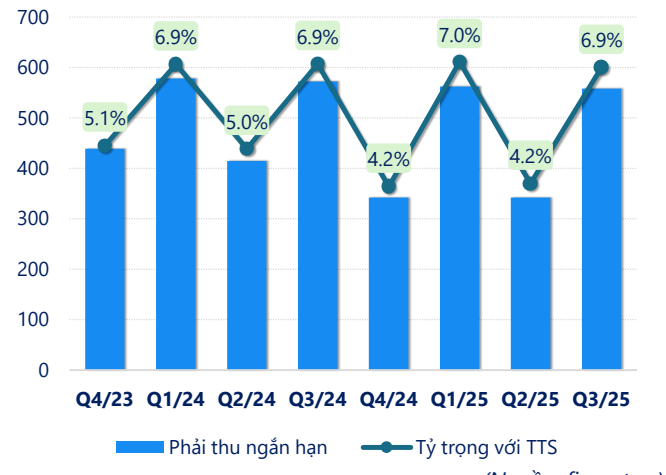

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

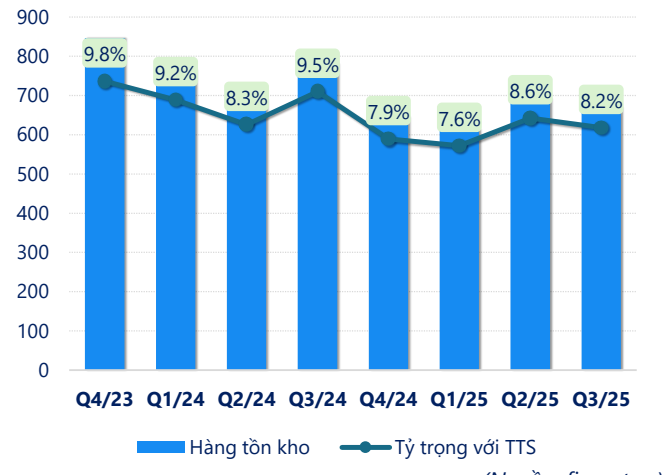

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

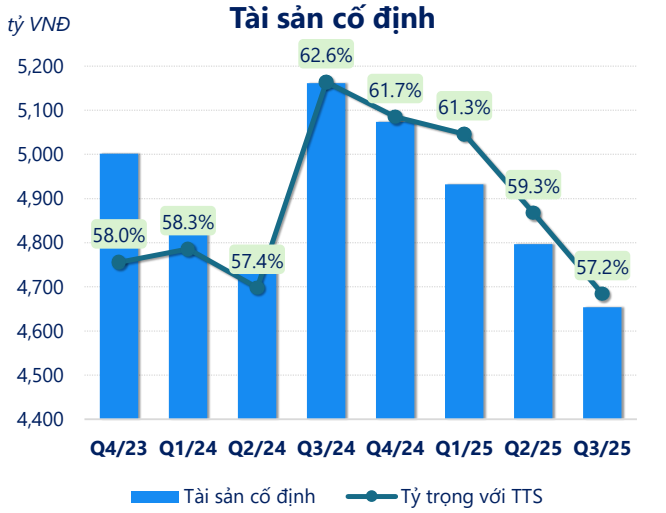

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

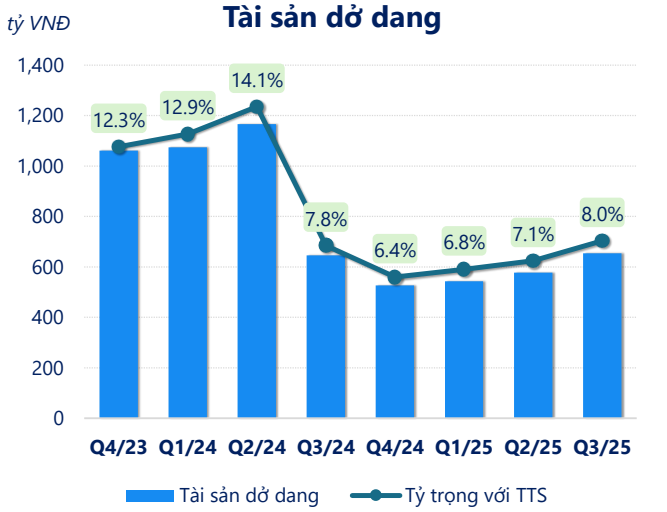

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

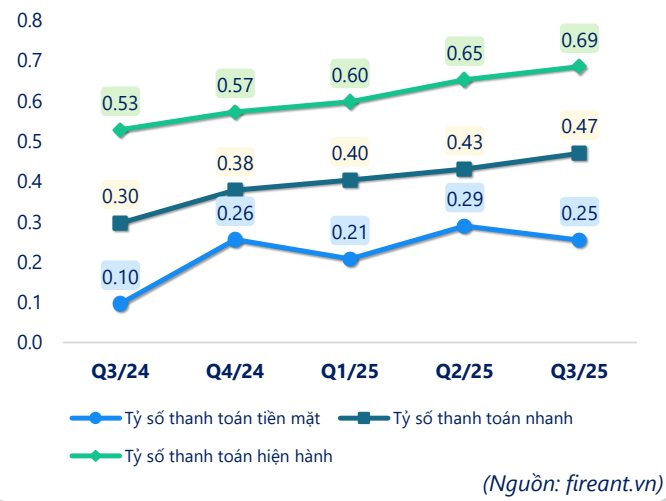

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

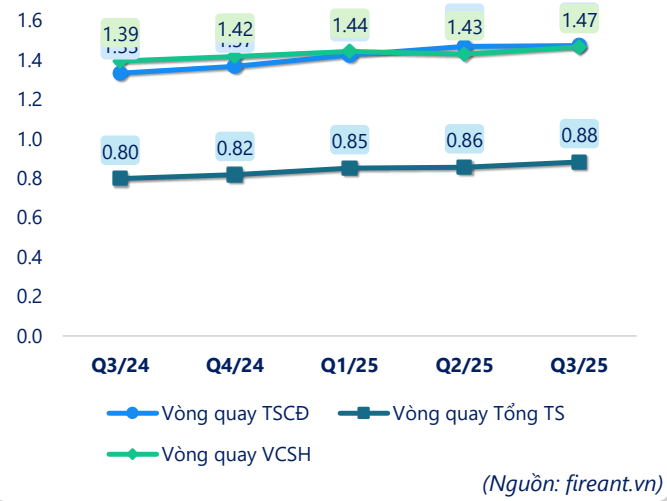

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**8,246**	**8,222**	**8,050**	**8,095**	**8,137**
Tài sản ngắn hạn	**1,780**	**1,904**	**1,891**	**2,036**	**2,132**
Tiền và tương đương tiền	325	849	657	902	792
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.8	17.0	17.0	17.0	17.6
Phải thu ngắn hạn	572	342	562	342	558
Hàng tồn kho	780	646	614	693	670
Tài sản ngắn hạn khác	84.7	50.3	40.2	80.9	94.3
Tài sản dài hạn	**6,466**	**6,318**	**6,159**	**6,059**	**6,005**
Phải thu dài hạn	22.7	22.7	24.2	24.8	24.8
Tài sản cố định	5,161	5,074	4,932	4,797	4,654
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	645	526	543	577	654
Đầu tư tài chính dài hạn	33.4	36.5	36.3	35.9	33.4
Tài sản dài hạn khác	603	659	623	624	639
Lợi thế thương mại	0.08	0.07	0.06	0.05	0.04
Nợ phải trả	**3,387**	**3,342**	**3,184**	**3,139**	**3,134**
Nợ ngắn hạn	**3,366**	**3,321**	**3,162**	**3,117**	**3,111**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,314	1,511	1,506	1,083	1,103
Phải trả người bán ngắn hạn	1,271	1,130	1,039	1,229	1,070
Nợ dài hạn	20.8	21.0	21.4	21.7	22.2
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,859**	**4,880**	**4,866**	**4,956**	**5,004**
Vốn chủ sở hữu	**4,859**	**4,880**	**4,866**	**4,956**	**5,004**
Vốn điều lệ	3,816	3,816	3,816	3,816	3,816
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)